

Số: 2051 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 7 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1896/TTr-SNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và 03 TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định; Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế TTHC số thứ tự 60, 61, 69 Mục VII - Lĩnh vực Lâm nghiệp - Phụ lục I được ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã).

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTPVHCC, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC  
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2051 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**1. Danh mục TTHC mới ban hành:**

STT	Tên TTHC (mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>					
1.	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687)	55 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 35 ngày, UBND tỉnh: 20 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
2.	Quyết định giao rừng cho tổ chức (1.012688)	35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 30 ngày, UBND tỉnh: 5 ngày. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn	+ Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )	Không		- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

		giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh.				
3.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày, UBND tỉnh: 10 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
4.	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690)	15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày, UBND tỉnh 5 ngày.	( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )	Không		- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
5.	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày, UBND tỉnh 5 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ

			Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )		ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	tịch UBND tỉnh.
6.	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692)	<p>- 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày, UBND tỉnh: 10 ngày.</p> <p>- 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 28 ngày, UBND tỉnh 20 ngày.</p>		Không		<p>- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>					
7.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 10 ngày, UBND cấp huyện: 10 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện. + Nộp trực tuyến trên	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP	<p>- Cơ quan giải quyết: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết</p>

			Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )		ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
8.	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 15 ngày, UBND cấp huyện: 5 ngày.		Không		- Cơ quan giải quyết: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
<b>III</b>	<b>Cấp xã</b>					
9.	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư (1.012693)	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Ủy ban nhân dân cấp xã: 5 ngày, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 30 ngày, UBND cấp huyện: 5 ngày; - Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ).	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

		bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.				
--	--	--	--	--	--	--

## 2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung:

STT	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (mã số TTHC)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc UBND tỉnh quản lý (1.000084)	Phê duyệt <i>hoặc</i> điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.000084)	45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 35 ngày, UBND tỉnh 10 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvu.cong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvu.cong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng	Không	<i>Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</i>	Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng	Phê duyệt <i>hoặc</i> điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 35 ngày, UBND tỉnh 10 ngày.	tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. ( <a href="https://dichvu.cong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvu.cong.thuathienhue.gov.vn</a> ) hoặc Cổng	Không	<i>Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</i>	Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan/người có thẩm quyền

	phòng hộ thuộc UBND tỉnh quản lý (1.000081)	phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081)		Dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> )			quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	<p>- 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 30 ngày, UBND tỉnh 5 ngày.</p> <p>- 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành.</p> <p>Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 28 ngày, UBND tỉnh 20 ngày.</p>	Không			<p>- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue>).

- TTHC số 01 và TTHC số 02 được sửa đổi bổ sung tên Thủ tục, căn cứ pháp lý và biểu mẫu.

- TTHC số 3 được sửa đổi bổ sung về thời gian giải quyết, căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ (bản chính, bản sao) và biểu mẫu.